TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T.N** **TỈNH T.N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hnh phúc**
Số: **127**/2023/QĐST-HNGĐ	*TP. T.N, ngày 29 tháng 3 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 805/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 giữa:

* *Nguyên đơn*: Chị **Nguyễn N A**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tổ 3, phường CH, TP. T.N, tỉnh T.N.

* *Bị đơn*: Anh **Chu Tấn S**, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Tổ 7, phường CH, TP. T.N, tỉnh T.N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55,57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành được lập ngày 21 tháng 3 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 3 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi pHm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn N A và anh Chu Tấn S

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn N A và anh Chu Tấn S nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các đương sự xác định có một con chung tên là Chu Nhật H, sinh ngày 29/4/2021. Sau khi ly hôn chị N A trực tiếp nuôi dưỡng con chung Chu Nhật H, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2.4. Về án phí: Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Nguyễn N A tự nguyện chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước; hoàn trả chị N A 150.000đ *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000515 ngày 23/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.N.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND phường CH, TPTN;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Vương Hồng Giang